

KẾT QUẢ THI TUYỂN VỊ TRÍ GIAO DỊCH VIÊN

Địa điểm thi: Đà Nẵng

Ngày thi: 31/05/2009.

TT	MSHS	Họ & Tên	Năm sinh (Auto)	Kết quả		
				IQ 10/10	Ngoại ngữ 50/50	Nghệ vụ 10/10
1	GDV0609-1	NGUYỄN THỊ THỦY	1984	5.5	13.1	4.75
2	GDV0609-2	BÙI THỊ THU HƯỜNG	1982	5.25	5.7	3.25
3	GDV0609-3	TRẦN THỊ CÚC	1986	3.5	7.4	2
4	GDV0609-5	HOÀNG THỊ BÍCH THẢO	1987	5.5	9.4	
5	GDV0609-7	TRẦN THỊ HIẾU	1987	5.25	12.8	3.75
6	GDV0609-9	NGÔ THỊ THANH THỦY	1986	7.25	14.5	
7	GDV0609-14	NGUYỄN THỊ NHƯ'	1987	4.25	22	2.5
8	GDV0609-15	LƯƠNG THỊ HOÀNG NHI	1987	6	16	5.5
9	GDV0609-16	TRẦN BÙI DIỄM MY	1986	5.25	14.4	1.5
10	GDV0609-18	NGUYỄN THỊ YẾN	1987	6.25	3.7	2.75
11	GDV0609-19	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	1988	6.5	28.8	4
12	GDV0609-20	MẠC THỊ THÚY HÒA	1988	6.5	32.8	3.25
13	GDV0609-21	NGUYỄN THỊ QUÍ PHỤNG	1984	4.5	5.4	3.25
14	GDV0609-22	NGUYỄN THỊ DIỄM SƯƠNG	1987	5.5	13.1	3.5
15	GDV0609-23	LÊ THỊ XUÂN THẢO	1987	4.5	21.7	1.5
16	GDV0609-24	NGUYỄN ĐỨC HẬU	1986	6	7.7	0.75
17	GDV0609-25	LÊ THỊ NHƯ Ý	1987	5	11.4	1.75
18	GDV0609-27	ĐOÀN THỊ KIM THỜI	1983	0	16.8	
19	GDV0609-28	HỒ THỊ LÊ TRINH	1986	4.5	10.8	4.25
20	GDV0609-34	PHAN THỊ THANH BÌNH	1987	4.5	11.7	0.75
21	GDV0609-37	NGUYỄN THỊ MINH THU'	1987	6.5	5.4	2.75
22	GDV0609-39	HỒ THỊ QUỲNH NHƯ'	1981	6	3.7	6
23	GDV0609-40	VÕ THỊ VÂN KHÁNH	1983	7.5	11.1	6
24	GDV0609-41	TRẦN THỊ THU HỒNG	1983	5.5	37	7.75

TT	MSHS	Họ & Tên	Năm sinh (Auto)	Kết quả		
				IQ 10/10	Ngoại ngữ 50/50	Nhiệp vụ 10/10
25	GDV0609-43	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	1987			2.75
26	GDV0609-44	NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH	1987	5.5	25.8	5.25
27	GDV0609-45	NGUYỄN THỊ MỸ NHUNG	1985	6.5	34.8	3.25
28	GDV0609-46	LÊ VĂN ĐIỆN	1982		7.1	1.75
29	GDV0609-49	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	1987	3.5	20.5	0.75
30	GDV0609-50	ĐẶNG THỊ HỒNG NGUYỆT	1987	5	7.7	1.25
31	GDV0609-51	ĐẶNG THỊ VÂN	1987	7.5	13.1	1.5
32	GDV0609-52	ĐẶNG THỊ HỒNG LINH	1985	4.5	9.1	5
33	GDV0609-65	TRẦN ĐĂNG NHÂN	1987	5.25	25.1	1.75
34	GDV0609-67	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	1987	8.5	32.4	
35	GDV0609-68	PHẠM THÙY LINH	1986	5	12.8	3.5
36	GDV0609-70	PHAN THỊ TÂM	1985	7	11.1	
37	GDV0609-73	PHẠM QUỐC DANH	1986	8.25	43	4.5
38	CVKT 0609-67	NGUYỄN THỊ DIỄM	1987	5	20.8	5.5
39	QHKH0609-91	TRẦN ĐÌNH THÊM	1987	5.5	10.8	0.75
40	CVKT 0609-68	NGUYỄN THỊ KIM KHÁNH	1986	3.5	15.4	2.75
41	CVKT 0609-52	ĐỖ THỊ TIN	1987	6.5	20.8	4
42	QHKH0609-121	HOÀNG THỊ BÍCH THẢO	1987			3
43	QHKH0609-110	NGUYỄN THỊ OANH	1987	5	5.7	1.75
44	CVKT 0609-33	NGUYỄN THỊ THANH NGA	1987	5.25	20.1	5.25
45	CVKT 0609-35	VÕ THỊ MỸ HIỀN	1987	6.25	12.8	5.5
46	QHKH0609-94	PHẠM THỊ HẠNH	1987	6.5	11.1	2
47	CVKT 0609-36	BÙI THỊ PHƯƠNG NGỌC	1987	5	21.8	4
48	CVKT 0609-56	NGUYỄN THỊ DIỄM VI	1987	5.5	16.8	5.25
49	QHKH0609-127	CHU CƯỜNG ANH	1987	8	21	3
50	CVKT 0609-70	ĐẶNG THỊ HƯƠNG THẢO	1986	7	29.1	8
51	CVKT 0609-53	HOÀNG THỊ MỘNG TUYỀN	1987	7.5	19.8	2.75
52	CVKT 0609-13	MAI THỊ THUYỀN	1987	5	10.1	2.75

TT	MSHS	Họ & Tên	Năm sinh (Auto)	Kết quả		
				IQ 10/10	Ngoại ngữ 50/50	Nhiệp vụ 10/10
53	CVKT 0609-37	NGUYỄN THỊ NGỌC THÙY	1986	6.5	11.8	2.75
54	CVKT 0609-44	TRẦN HỒNG HÀ	1987	6.5	27.8	4.75
55	CVKT 0609-51	ĐINH CẨM VÂN	1988	6	22.1	1.75
56	CVKT 0609-34	TRẦN THỊ THÚY HẰNG	1987	4.5	9.1	3.25
57	CVKT 0609-71	VĂN THỊ QUỲNH DUNG	1987	6	5.4	1.5
58	CVKT 0609-39	LÊ THỊ THỦY	1987	7	10.8	7.5
59	CVKT 0609-40	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÂN	1987	7	27.8	1.5
60	CVKT 0609-45	LÊ THỊ KIM YẾN	1987	6.5	34.5	4.25
61	CVKT 0609-66	BÙI THỊ HOÀI THU	1987	5.5	14	5.5
62	CVKT 0609-19	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	1987	5.5	16.8	1
63	CVKT 0609-32	VŨ THỊ MAI HƯƠNG	1987	6	33.8	3.25
64	CVKT 0609-63	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI	1986	4.5	12.5	6
65	CVKT 0609-61	NGUYỄN PHAN TUẤN NGUYỄN	1987	6.5	14.7	3.75
66	CVKT 0609-47	NGUYỄN PHAN QUỲNH NA	1986	5.5		2
67	CVKT 0609-62	NGUYỄN THỊ THU MỸ	1981	6.5	5.7	5.75
68	QHKH0609-123	HOÀNG TRIỆU PHÚ	1988	4.5	3.7	4.25
69	CVKT 0609-42	NGUYỄN THỊ THẢO	1986		23.1	1

TP.NHÂN SỰ - ĐÀO TẠO

Nguyễn Anh Tài